|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam** | ***Mẫu số B06g-QM*** |
| **Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam** | *(Ban hành theo TT số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính)* |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NĂM 2016**

1. **Đặc điểm hoạt động của Quỹ mở**
   1. **Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ mở**

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008 và Quyết định số 384/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015 về việc sửa đổi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ đại chúng số 06/GCN-UBCK (“Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập”) ngày 16 tháng 12 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 58/QĐ-SGDHCM ngày 3 tháng 6 năm 2008 và đã được hủy niêm yết vào ngày 27 tháng 11 năm 2013 theo Quyết định số 363/2013/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 10 năm 2013 để thực hiện thủ tục chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở.

* 1. **Địa chỉ liên hệ của Quỹ:**

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TPHCM, Việt Nam.

* 1. **Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ mở.**

**- Quy mô vốn Quỹ mở**

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 8.000 tỷ Đồng Việt Nam. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 80.646.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam trên mỗi chứng chỉ quỹ cho lần huy động vốn đầu tiên.

Quỹ đã chính thức chuyển đổi thành quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở vào ngày 17 tháng 12 năm 2013 theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán số 04/GCN-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 806.460.000.000 Đồng Việt Nam tương đương với 80.646.000 chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất vào ngày 26 tháng 3 năm 2015.

**- Mục tiêu đầu tư của Quỹ:**

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền cơ bản của kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**- Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):**

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hằng ngày vào các ngày làm việc trong tuần và mỗi tháng. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (của kỳ định giá ngày) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Việc lập báo cáo tuần của quỹ cho mục đích công bố thông tin được xác định dựa trên ngày định giá là thứ sáu hàng tuần.

Đối với kỳ định giá tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.

**- Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ mở:**

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVF4 là Hàng ngày. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ Lễ trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

**- Hạn chế đầu tư của Quỹ mở:**

1. Danh mục đầu tư của quỹ VFMVF4 phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 10 Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.

2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VFMVF4 bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

a) Không được nắm giữ quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 10 Điều lệ này;

b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f khoản 1 Điều 10 Điều lệ này , phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Điều lệ này;

c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi (trừ trái phiếu chính phủ);

d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;

e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Điều lệ này;

f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ;

g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;

h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

3. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ mở được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế quy định tại khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;

c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư.

d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thâu tóm các tổ chức phát hành;

e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;

f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

4. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

6. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 10 Điều lệ này phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

**Hạn mức vay**

1. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Điều lệ này.

2. Công ty quản lý quỹ VFM không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ VFMVF4, ngoại trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

3. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng tài sản của Quỹ VFMVF4 để ký quỹ thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

4. Quỹ VFMVF4 được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

1. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**2.1 Kỳ kế toán:**

Kỳ kế toán năm của quỹ là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Quỹ áp dụng Chế độ Kế toán Quỹ mở ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư 15/2016/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3.3 Hình thức kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

1. **Các chính sách kế toán áp dụng**
   1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận và phân loại các khoản đầu tư**
  2. ***Nguyên tắc phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

* 1. ***Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận***

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

* 1. ***Ghi nhận ban đầu:***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính theo Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở.

* 1. ***Đánh giá lại:***

1. *Cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội*
   * Giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
   * Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá. ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

* Giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
* Giá mua;
* Giá trị sổ sách;
* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

1. *Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom* 
   * Giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
   * Trường hợp không có nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, thì dùng Giá đóng của của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc

* Giá mua; hoặc
* Giá trị sổ sách; hoặc
* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

1. *Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch*
   * Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá,
   * Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:

* Giá trung bình từ 2 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; hoặc
* Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc
* Giá mua; hoặc
* Giá trị sổ sách; hoặc
* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

1. *Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch. hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch*

Ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:

* Giá trị sổ sách; hoặc
* Mệnh giá; hoặc
* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận.

1. *Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể. phá sản*

Ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:

* 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
* Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

1. *Trái phiếu niêm yết*
   * Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.
   * Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ Tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện chấp thuận;
* Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
* Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

1. *Trái phiếu không niêm yết*

Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

* Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.
* Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; hoặc
* Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận;
* Giá mua cộng lãi lũy kế;
* Mệnh giá cộng lãi lũy kế

1. *Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi*
   * Giá bình quân của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt
   * Hoặc trong trường hợp không có giao dịch giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
2. *Chứng khoán phái sinh niêm yết* 
   * Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
3. *Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên* 
   * Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận.
4. *Tiền gửi có kỳ hạn* 
   * Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá
   1. ***Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư***

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở.

* 1. **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Dự phòng phát sinh trong kỳ có liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian quá hạn** | **Mức trích lập dự phòng** |
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Trên ba (03) năm | 100% |

* 1. **Các khoản phải trả:**

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận vốn góp nhà đầu tư**

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

***Nguyên tắc ghi nhận vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

***Nguyên tắc ghi nhận vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

***Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức***

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

***Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán theo nguyên tắc dự thu, dự chi và ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư. Các khoản chi phí của Quỹ được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ bao gồm:

* Phí quản lý Quỹ trả cho công ty quản lý Quỹ;
* Phí trả cho các dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ do ngân hàng giám sát thực hiện;
* Phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
* Chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
* Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ tư vấn định giá, đánh giá tài sản quỹ và tư vấn luật nhằm bảo vệ quyền lợi người đầu tư;
* Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp thường niên của Đại hội người đầu tư và Ban đại diện Quỹ;
* Các chi phí khác theo quy định của Điều lệ Quỹ.
  1. **Phân phối thu nhập của Quỹ**

Theo Điều lệ của Quỹ, việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được đại hội nhà đầu tư thông qua.

* 1. **Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

***Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 22% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

***Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

* 1. **Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở**

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế), vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ dựa trên tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của Quỹ bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

1. **Thông tin bổ sung cho các báo cáo tài chính**

**5.1 Tiền gửi ngân hàng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2016** | **31/12/2015** |
|  | VND | VND |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở tại Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam | 8.975.550.541 | 10.501.338.214 |
| Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (\*) | 5.000.000.000 | 26.000.000.000 |
|  | **13.975.550.541** | **36.501.338.214** |

**(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2016** | **31/12/2015** |
|  | VND | VND |
| Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) | 5.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) | - | 14.000.000.000 |
|  | **5.000.000.000** | **26.000.000.000** |

**5.2 Các khoản đầu tư**

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị hợp lý các khoản đầu tư

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản đầu tư** | **Giá mua** | **Giá thị trường** | **Chênh lệch đánh giá** | | **Giá trị đánh giá lại** |
| **Chênh lệch tăng** | **Chênh lệch giảm** |
|  | VND | VND | VND | VND | VND |
|  | [1] | [2] | [3]=[2]-[1] | [4]=[1]-[2] | [5]=[1]+[3]-[4] |
| Cổ phiếu | 249.599.144.853 | 285.936.602.000 | 44.625.709.276 | 8.288.252.129 | 285.936.602.000 |
|  |  |  |  |  |  |

**5.3 Chi phí phải trả**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2016** | **31/12/2015** |
|  | VND | VND |
| Phải trả phí môi giới | 76.361.281 | 100.957.231 |
| Trích trước phí kiểm toán | 59.442.077 | 170.500.000 |
| Trích trước phí họp đại hội thường niên | 28.890.914 | 23.138.000 |
| Trích trước phí báo cáo thường niên | 110.008.831 | 105.634.960 |
| Trích trước thù lao ban đại diện quỹ | 23.724.068 | 38.000.000 |
|  |  |  |
|  | **298.427.171** | **438.230.191** |

**5.4 Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở**

* ***Phí quản lý quỹ***

Phí quản lý tối đa là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ VFMVF4/năm tài chính. Phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVF4.

* ***Phí giám sát***
* Trước ngày 01/04/2016: 0,04% và mức phí tối thiểu là VND16.800.000/tháng
* Từ ngày 01/04/2016 trở đi: 0,04% và mức phí tối thiểu là VND23.000.000/tháng
* ***Phí lưu ký***
* Trước ngày 01/04/2016: 0,03% và mức phí tối thiểu là VND10.500.000/tháng
* Từ ngày 01/04/2016 trở đi: 0,04% và mức phí tối thiểu là VND22.000.000/tháng
* ***Phí dịch vụ quản trị Quỹ***
* Trước ngày 01/04/2016: 0,04% và mức phí tối thiểu là VND10.500.000/tháng
* Từ ngày 01/04/2016 trở đi: 0,03% và mức phí tối thiểu là VND5.000.000/tháng

**5.5 Phải trả, phải nộp khác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **31/03/2016** | **31/12/2015** |
|  | VND | VND |
| Phải trả phí báo giá | 19.230.000 | 19.320.000 |
| Trích trước phí công tác, họp của ban đại diện | 79.445.604 | 57.618.375 |
| Trích trước phí quản lý thường niên | 2.486.317 | - |
|  |  |  |
|  | **101.161.921** | **76.938.375** |

**5.6 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tại ngày 31/12/2015** | **Phát sinh trong kỳ** | **Tại ngày 31/03/2016** |
|  | VND | VND | VND |
| **Vốn góp phát hành** |  |  |  |
| Số lượng | 86.400.609,10 | 1.345.133,48 | 87.745.742,58 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | 864.006.091.000 | 13.451.334.800 | 877.457.425.800 |
| Thặng dư vốn | 2.742.018.254 | 1.069.161.266 | 3.811.179.520 |
| *Tổng giá trị phát hành CCQ* | 866.748.109.254 | *14.520.496.066* | 881.268.605.320 |
| **Vốn góp mua lại** |  |  |  |
| Số lượng | (59.918.651,33) | (173.975,09) | (60.092.626,42) |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | (599.186.513.300) | (1.739.750.900) | (600.926.264.200) |
| Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư | 14.922.328.351 | (108.584.931) | 14.813.743.420 |
| *Tổng giá trị mua lại CCQ* | (584.264.184.949) | *(1.848.335.831)* | (586.112.520.780) |
| **Giá trị vốn góp hiện hành** | **282.483.924.305** | **12.672.160.235** | **295.156.084.540** |
| **Lợi nhuận chưa phân phối** | **2.538.115.814** | **(418.172.644)** | **2.119.943.170** |
| **Giá trị Tài sản ròng** | **285.022.040.119** | **12.253.987.591** | **297.276.027.710** |
| **Số lượng CCQ hiện hành** | **26.481.957,77** | **1.171.158,39** | **27.653.116,16** |
| **NAV hiện hành/ 1 CCQ** | **10.762,87** |  | **10.750,18** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát** |  | **Đại diện có thẩm quyềncủa Công ty quản lý quỹ** |
| **Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**  **Lê Sỹ Hoàng**  **Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán** |  | **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam**  **Trần Thanh Tân**  **Tổng giám đốc** |